

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**




**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**

*Tháng 4 năm 2021*



## A. THÔNG TIN CHUNG

### ❖ Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần HTC Holding
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0104230142
Vốn điều lệ	60,500,000,000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60,500,000,000 VND
Địa chỉ	Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
Số điện thoại	02413864617
Website	ww.techvina.vn
Mã cổ phiếu	CET
Logo	

### ❖ Quá trình hình thành và phát triển

Thời điểm/Giai đoạn	Sự kiện
28/10/2009	Thành lập Công ty Cổ phần Tech Vina
01/08/2011	Nhà máy sản xuất tinh dầu đầu tiên đi vào hoạt động
01/01/2016	Xây dựng nhà máy tại Hà Nội
28/07/2018	Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### ❖ Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất chiết xuất các sản phẩm hương liệu tự nhiên
- Sản xuất nước hương liệu chưng cất
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống

❖ **Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính**

Các hoạt động chính bao gồm sản xuất, kinh doanh tinh dầu quế, sản xuất mùn cưa từ bã cành lá quế của hệ thống chiết xuất tinh dầu quế và hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản (sắn, cà phê, tinh bột sắn).

**Hoạt động sản xuất, chế biến tinh dầu quế** của Công ty được diễn ra tại nhà máy huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Cành quế, vỏ quế, lá quế được thu mua từ hơn 8,000 hộ nông dân trồng quế trong vùng nguyên liệu 5,000 ha liên kết với Công ty sau đó vận chuyển về nhà máy sơ chế và đưa vào dây chuyền sản xuất, chế biến tinh dầu. Mùa thu mua diễn ra tùy theo từng năm, thường kéo dài từ tháng 2 đến tháng 5 và tháng 8 đến tháng 12 hàng năm, nhà máy chế biến tinh dầu quế được đầu tư xây dựng với quy mô lớn với dây chuyền máy móc hiện đại và đội ngũ nhân viên lành nghề đảm bảo cung cấp ra thị trường sản phẩm tinh dầu quế chất lượng cao.

Sau gần 10 năm hoạt động trong ngành sản xuất tinh dầu và chất thơm tự nhiên, hiện nay, Công ty Cổ phần HTC Holding đã thiết lập quan hệ với một số bạn hàng thân thiết và ngày càng mở rộng phạm vi kinh doanh trên thị trường quốc tế. Một số thị trường khách mục tiêu chính của Công ty như: Mỹ, Úc, Anh, Pháp, Trung Quốc ...

Hiện tại, Công ty Cổ phần HTC Holding là một trong những công ty đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất tinh dầu và chất thơm của Việt Nam, là thành viên của Hiệp hội tinh dầu và chất thơm quốc tế - IFEAT. Việc mạnh dạn đầu tư cho công tác marketing, bán hàng thông qua việc tham gia các hội nghị, hội thảo, hội chợ chuyên ngành lớn trên thế giới, Công ty đã đúc rút thêm kinh nghiệm và mạnh dạn cải tiến, đầu tư công nghệ sản xuất sản phẩm tiềm năng.

**Hoạt động sản xuất mùn cùi từ bã thải quế:** tận dụng bã thải từ quá trình chưng cất tinh dầu, Công ty Cổ phần HTC Holding tiếp tục duy trì và cải tiến dây chuyền sản xuất mùn cùi, phù hợp hơn với thị hiếu người dùng.

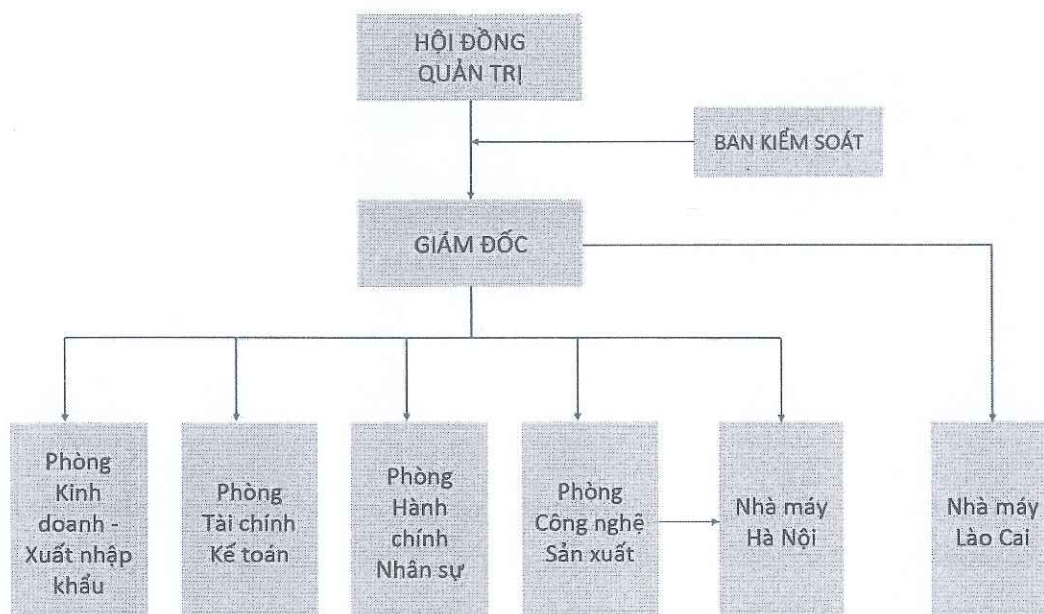
❖ Địa bàn kinh doanh: Công ty đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại thị trường các nước như: Mỹ, Canada, Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha, Trung Quốc



### 3. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### ❖ Mô hình quản trị + Sơ đồ bộ máy quản lý

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Điều lệ tổ chức hoạt động được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 24 tháng 02 năm 2018, Công ty Cổ phần HTC Holding có cơ cấu tổ chức như sau:



### 4. Giới thiệu Ban Lãnh đạo

#### ❖ Giới thiệu HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thanh Lan	CT HĐQT	0 cổ phiếu	0%
2	Ông Trương Phi Cường	TV HĐQT	865.800 cổ phiếu	14,31%
3	Ông Nguyễn Đức Thuận	TV HĐQT	0 cổ phiếu	0%

❖ Giới thiệu BKS

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Lê Hoàng Việt	Trưởng BKS	0 cổ phiếu	0%
2	Ông Đỗ Thành Nhân	TV BKS	0 cổ phiếu	0%
3	Ông Nguyễn Việt Tuấn	TV BKS	0 cổ phiếu	0%

❖ Giới thiệu Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu	Quá trình công tác
1	Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc	0	0	- Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân - 2009 - > nay: Giám đốc Công ty Cổ phần HTC Holding

## 5. Định hướng phát triển

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh thực hiện công tác nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường, cải tiến công nghệ sản xuất sản phẩm hiện có, sử dụng tối ưu nguồn lực con người và tài chính.

Về công tác bán hàng, Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới bán hàng tới các mắt xích trong chuỗi cung ứng tinh dầu và chất thơm tự nhiên, giúp khách hàng tiếp cận tốt với các thông tin về Công ty như sản phẩm, quy trình chất lượng, năng lực sản xuất... Các chuyến thăm thực tế các khách hàng thân thiết và khách hàng tiềm năng được thực hiện định kỳ và lên kế hoạch hàng năm nhằm tìm hiểu nhu cầu khách hàng, Công ty chủ động và tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành để tìm kiếm khách hàng mới và nắm bắt được các hướng đi mới trong ngành.

Bên cạnh đó, việc duy trì mối quan hệ bán hàng với nhà cung cấp được thực hiện tốt, chất lượng nguyên liệu đầu vào được yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm tra chất lượng, nguồn gốc, chính việc ổn định nguồn cung nguyên liệu không những tạo đầu vào ổn định



cho Công ty mà còn là nơi tạo công ăn việc làm cho nhiều nông dân dân tộc miền núi phía Bắc, tạo nguồn tiêu thụ tốt cho loại cây lâm sản ngoài gỗ chủ đạo là quế, phù hợp với định hướng đầu tư về cả hai mặt kinh tế và xã hội.

## 6. Các rủi ro

### ❖ *Rủi ro về kinh tế*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại tinh dầu và kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản. Các sản phẩm của Công ty hiện đang cung cấp ra các thị trường quốc tế và trong nước, do vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ nền kinh tế. Các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... có thể tác động trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.

– Rủi ro tăng trưởng kinh tế: năm 2020 ghi lại nhiều điểm mốc về nền kinh tế, mối quan hệ giữa các nước lớn kèm theo sự thay đổi về chính sách và nhu cầu thị trường cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

– Rủi ro lạm phát: lạm phát là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất của Công ty, mặc dù do ảnh hưởng của dịch Covid 19 vào khiến chỉ số giá tiêu dùng tăng nhanh trong giai đoạn đầu năm, tuy nhiên đến những tháng cuối năm yếu tố này đã được kiểm soát tốt và đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra dưới 4%.

– Rủi ro tỷ giá: là một doanh nghiệp có nhiều hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất khẩu nên rủi ro về tỷ giá có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tác động của rủi ro biến động tỷ giá, Công ty hướng đến chiến lược đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, đồng thời, Công ty luôn kịp thời nắm bắt, phân tích nguyên nhân biến động tỷ giá, làm tốt công tác dự báo tỷ giá, trên cơ sở đó lựa chọn các giải pháp quản lý rủi ro tỷ giá phù hợp, hạn chế đến mức thấp nhất tác động từ biến động tỷ giá, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng ổn định, bền vững.

### ❖ *Rủi ro pháp luật*

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Là công ty cổ phần, các hoạt động của Công ty

Cổ phần HTC Holding chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại ... và các chính sách của Nhà nước liên quan. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam chưa hoàn thiện, còn nhiều quy định chồng chéo, những thay đổi trong hệ thống luật có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động.

Do có hoạt động xuất khẩu sản phẩm tinh dầu nên ngoài sự chi phối của hệ thống pháp luật trong nước, Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số sắc thuế nhập khẩu, tập quán thương mại quốc tế, luật chống phá giá, và một số quy định khác tại các nước nhập khẩu... Để hạn chế rủi ro về luật pháp, Công ty thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản pháp luật, tiến hành nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty cũng như tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông Công ty.

#### ❖ *Rủi ro đặc thù ngành*

Rủi ro đặc thù ngành là những rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại tinh dầu và kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, vì vậy vùng nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, cạnh tranh là những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể, những rủi ro về dịch hại, thị trường các sản phẩm hương liệu thay thế cũng làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

#### ❖ *Rủi ro khác*

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng sẽ tác động đến tính hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đó là những hiện tượng thiên tai, bão lụt, chiến tranh...

## **B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### ❖ *Thông tin ngành*

Những năm gần đây, ngành công nghiệp sản xuất tinh dầu đã du nhập vào nước ta và nhanh chóng chiếm một phần lớn trong tỉ trọng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã xuất khẩu tinh dầu và chất thơm thành công sang



khoảng 30 nước trong tổng số 167 nước có nhu cầu nhập khẩu tinh dầu, chiếm 1,16% về số lượng và 0,6% về giá trị phần tinh dầu toàn cầu. Điều này cho thấy ngành sản xuất tinh dầu tại nước ta đã và đang có những chuyển biến rất tích cực và là một ngành công nghiệp vô cùng tiềm năng.

Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm tinh dầu và chất thơm có nguồn gốc thiên nhiên ngày càng tăng, đặc biệt là các nước châu Âu, châu Mỹ bởi những lợi ích khác biệt giữa chất thơm tự nhiên và chất thơm tổng hợp, Trung Quốc và Ấn độ là những nước đứng đầu về xuất khẩu tinh dầu và chất thơm, tuy nhiên do đặc thù khí hậu, thổ nhưỡng nên nguồn nguyên liệu các nước trên phần nhiều đến từ nguồn nhập khẩu.

Trong khi đó, với khí hậu và đất đai vô cùng thuận lợi để trồng các loại cây chiết xuất tinh dầu, đặc biệt là các loại cây như hương nhu, bạc hà, sả, bạch đàn, húng quế, hoắc hương, sòì... Việt Nam được coi là mỏ vàng “xanh” của ngành công nghiệp sản xuất và chiết xuất tinh dầu - điều mà không phải quốc gia nào cũng có được. Theo thống kê của Hiệp hội tinh dầu Việt Nam (VOCA) thì hiện nay nước ta đang có khoảng 300 loại cây có thể dùng để chiết xuất tinh dầu và trong đó có 50 loại được sử dụng nhiều nhất, đặc biệt, những loại cây này lại rất dễ trồng và không mất quá nhiều thời gian để chăm sóc cũng như ít sâu bệnh hơn các loại cây khác, chưa kể giá trị kinh tế mà chúng mang lại vô cùng tiềm năng. Chính vì vậy mà ngành công nghiệp sản xuất và chiết xuất tinh dầu ở nước ta đang dần trở nên được quan tâm và chú trọng đầu tư từ phía các doanh nghiệp và Chính phủ.

#### ❖ *Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch*

##### **Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020**

*Đơn vị: đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>KH năm 2020</b>	<b>TH năm 2020</b>	<b>TH 2020/KH 2020 (%)</b>
Doanh thu	Đồng	50.000.000.000	28.655.822.080	57,31%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.000.000.000	606.275.576	20,21%



❖ **Kết quả kinh doanh qua các năm**

**Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 3 năm (2018 – 2020)**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2020/2018 (%)
Doanh thu thuần	90.855.605.313	53.185.179.044	28.655.822.080	31,54 %
Giá vốn hàng bán	83.831.292.321	46.883.756.703	22.865.569.204	27,28 %
Lợi nhuận trước thuế	858.585.236	-1.130.294.105	645.175.457	75,14 %
Lợi nhuận sau thuế	751.575.638	-1.130.294.105	606.275.576	80,67 %

❖ **Nguyên nhân**

- Doanh thu năm 2020 giảm so với các năm 2018, 2019 do biến động giá chung trên thị trường toàn ngành. Giá bán các sản phẩm chủ lực giảm dần đến doanh thu giảm.

- Lợi nhuận trước thuế và sau thuế mặc dù có tăng so với năm 2019 nhưng vẫn thấp hơn so với các năm trước đó, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch Covid19 nên Công ty đã phải hủy bỏ nhiều chương trình hội chợ, giới thiệu sản phẩm nên số lượng doanh thu và lợi nhuận đã không đạt được như kì vọng.

❖ **Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận**

**Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo sản phẩm (ĐVT: tỷ đồng)**

STT	Chỉ tiêu	2019				2020			
		DTT	Tỷ lệ (%)	LNG	Tỷ lệ (%)	DTT	Tỷ lệ (%)	LNG	Tỷ lệ (%)
1	Tinh chất dầu, chất thơm	51.787	99,996	5.019	79,7	26.684,15	93,12	5.144,4	89,46
2	Mùn củi	0.446	0,001	0.069	1,1	139,47	0,49	9,8	0,17

3	Khác (Găng tay, túi hút ẩm, tem chỉ thị độ ẩm)	1.965	0,003	1.213	19,3	1.832,20	6,39	596,05	10,37
	<b>Tổng</b>	<b>54.198</b>	<b>100</b>	<b>6.301</b>	<b>100</b>	<b>28.655,82</b>	<b>100</b>	<b>5.750,25</b>	<b>100</b>

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a. Ban điều hành

Giới thiệu Ban điều hành: Phần 1

### b. Lao động

#### ❖ Cơ cấu nhân sự

PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
<b>1. Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
- Đại học, trên Đại học	9	34,6%
- Cao đẳng, Trung cấp	1	3,8%
- Trình độ khác	16	61,5%
<b>2. Phân theo thời hạn hợp đồng lao động</b>		
- HĐLĐ không thời hạn	8	30,8%
- HĐLĐ có thời hạn từ 12 đến 36 tháng	3	11,5%
- HĐLĐ theo thời vụ	15	57,7%
<b>3. Phân theo hình thức lao động</b>		
- Lao động gián tiếp	5	19,2%
- Lao động trực tiếp	21	80,8%

#### ❖ Chính sách đối với người lao động

##### • Chế độ làm việc

**Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, 06 ngày/tuần, nghỉ trưa 60 phút. Công ty tuân thủ các chế độ trả lương, thời gian làm thêm giờ và công khai, minh bạch chính sách chế độ với người lao động.

**Nghỉ phép, nghỉ lễ Tết:** nhân viên công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả. Cán bộ nhân viên được nghỉ lễ, Tết phép theo quy định của pháp luật.

**Điều kiện làm việc:** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

- **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

**Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

**Đào tạo:** Công ty hết sức chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo chuyên để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về lĩnh vực của mình nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc. Hiện nay Công ty đang chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có tay nghề giỏi ... để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Chính sách lương thưởng**

**Chính sách lương:** Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng ... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế của Công ty. Hàng năm Công ty tiến hành điều chỉnh lương cho toàn bộ công nhân viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng cải thiện, tạo sự gắn kết lâu dài của CNCNV với Công ty và thu hút các lao động có trình độ cao.



**Chính sách thưởng:** nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Định kì hàng tháng, hàng năm căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí Công ty sẽ có mức khen thưởng hợp lí.

- **Các chế độ chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật Lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Cùng với đó tạo sự thư giãn sau những ngày làm việc vất vả, tạo sự gắn kết giữa các bộ phận trong Công ty, hàng năm vào các dịp lễ tết Công ty luôn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao giữa các bộ phận. Đồng thời Công ty thường xuyên tổ chức cho CNCNV và người thân trong gia đình đi tham quan, nghỉ mát...

### 3. Tình hình tài chính

#### ❖ *Tình hình tài chính*

*ĐVT: đồng*

Chỉ tiêu	2019	2020	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	86.888.720.494	84.938.816.016	Giảm 2,2%
Doanh thu thuần	53.185.179.044	28.655.822.080	Giảm 46,12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	- 1.125.091.854	667.610.230	Tăng 159%
Lợi nhuận khác	196.498.281	- 22.43.4773	Giảm 331%
Lợi nhuận trước thuế	- 1.130.294.105	645.175.457	Tăng 157%
Lợi nhuận sau thuế	- 1.130.294.105	606.275.576	Tăng 153%

❖ *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/ Nợ NH)	Lần	2,24	2,50
Hệ số thanh toán nhanh (= (TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,29	0,60
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,22	0,25
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,28	0,33
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (=GiáVHB/Hàng tồn kho bq)	Lần	0,59	1,24
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,59
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,12	- 0,2
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,71	- 0,2
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản	%	0,92	- 0,1

**4. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu**

❖ *Cổ phần*

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần HTC Holding đã phát hành 6.050.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phần phổ thông: 6.050.000 cổ phiếu
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 6.050.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

❖ Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 15/04/2021)

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông trong nước	258	6.045.200	60.452.000.000	99,92
	Cổ đông tổ chức	2	101	1.010.000	0,002
	Cổ đông cá nhân	253	6.045.099	60.460.990.000	99,92
2	Cổ đông nước ngoài	3	4.800	48.000.000	0,08
	Cổ đông tổ chức	2	2.800	28.000.000	0,03
	Cổ đông cá nhân	1	2.000	20.000.000	0,05
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6.050.000</b>	<b>60.500.000</b>	<b>100%</b>

❖ Danh sách cổ đông lớn (tại thời điểm 19/04/2021)

STT	Họ và tên cổ đông	Số CMT	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Trương Phi Cường	001084010662	số 65 ngõ 2 Khương Trung, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	865.800	14,31%
2	Nguyễn Bích Ngọc	001187011029	310 Tôn Đức Thắng, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	721.500	11,93%



3	Nguyễn Hoàng Sơn	001090024181	191 Đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	610.395	10,09%
---	------------------	--------------	--	---------	--------

❖ **Lịch sử tăng vốn**

Quá trình tăng vốn điều lệ:

- Tháng 10/2009, vốn điều lệ khi thành lập là 03 tỷ đồng.
- Đến tháng 07/2013, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 10 tỷ đồng.
- Đến tháng 12/2015, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 55 tỷ đồng.
- Đến tháng 06/2018, vốn điều lệ sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 60,5 tỷ đồng.

**5. Thông tin liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng, xã hội**

- Đối với cán bộ nhân dân địa phương tại xã Xuân Quang, Bảo Thắng, Lào Cai, Công ty tổ chức các khóa đào tạo nghề nhằm thu hút lao động tại địa phương tới làm việc để có thu nhập ổn định hơn.

- Vào các dịp lễ Tết lớn, Công ty phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội tổ chức các buổi trao quà mừng Tết cho các hộ nghèo người dân tộc trên địa bàn, đóng góp Tết Trung thu cho trẻ em tại xã.

## C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh (đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	KH 2020	Thực hiện		Tăng trưởng (%)	
		2020	2019	So với KH	So với 2019
Tổng doanh thu	50,000	28,655	54,197	-42.69	8.394
Lợi nhuận sau thuế	3,000	606	-1,130	-79.8	-137.67

### 2. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài sản (đơn vị: đồng)

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019	Chênh lệch	% chênh lệch
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>42,171,530,074</b>	<b>53,564,726,652</b>	<b>(11,393,196,578)</b>	<b>-27.02</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>160,002,243</b>	<b>870,373,800</b>	<b>(710,371,557)</b>	<b>-443.98</b>
1. Tiền	160,002,243	870,373,800	(710,371,557)	-443.98
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>3,486,381,449</b>	<b>11,850,652,838</b>	<b>(8,364,271,389)</b>	<b>-239.91</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2,349,205,970	6,673,176,706	(4,323,970,736)	-184.06
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	337,001,642	4,447,874,267	(4,110,872,625)	-1219.84
3. Phải thu ngắn hạn khác	800,173,837	729,601,865	70,571,972	8.82
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>36,700,745,750</b>	<b>40,700,293,306</b>	<b>(3,999,547,556)</b>	<b>-10.90</b>
1. Hàng tồn kho	36,700,745,750	40,700,293,306	(3,999,547,556)	-10.90
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1,824,400,632</b>	<b>143,406,708</b>	<b>1,680,993,924</b>	<b>92.14</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	314,263,981	141,143,062	173,120,919	55.09

2. Thuế GTGT được khấu trừ	1,507,373,005	-	1,507,373,005	100.00
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2,763,646	2,263,646	500,000	18.09
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>42,767,285,942</b>	<b>33,323,993,842</b>	<b>9,443,292,100</b>	<b>22.08</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>38,290,869,991</b>	<b>24,421,506,014</b>	<b>13,869,363,977</b>	<b>36.22</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	30,931,086,436	16,038,345,839	14,892,740,597	48.15
- Nguyên giá	43,439,936,274	25,594,821,485	17,845,114,789	41.08
- Giá trị hao mòn lũy kế	(12,508,849,838)	(9,556,475,646)	(2,952,374,192)	23.60
2. Tài sản cố định thuê tài chính	7,359,783,555	8,383,160,175	(1,023,376,620)	-13.90
- Nguyên giá	8,954,545,455	8,954,545,455	-	0.00
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1,594,761,900)	(571,385,280)	(1,023,376,620)	64.17
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-	
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	-	-	-	
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	<b>4,500,000,000</b>	<b>(4,500,000,000)</b>	
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	4,500,000,000	(4,500,000,000)	
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>4,476,415,951</b>	<b>4,402,487,828</b>	<b>73,928,123</b>	<b>1.65</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	4,476,415,951	4,402,487,828	73,928,123	1.65
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>84,938,816,016</b>	<b>86,888,720,494</b>	<b>(1,949,904,478)</b>	<b>-2.30</b>

❖ *Tình hình nợ phải trả (đơn vị: đồng)*

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019	Chênh lệch	% chênh lệch
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>18,830,809,235</b>	<b>21,386,989,289</b>	<b>(2,556,180,054)</b>	<b>-13.57</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>18,830,809,235</b>	<b>21,386,989,289</b>	<b>(2,556,180,054)</b>	<b>-13.57</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1,217,943,345	4,675,613,738	(3,457,670,393)	-283.89
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	281,151,000	2,417,279,635	(2,136,128,635)	-759.78
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	541,871,928	1,092,242,436	(550,370,508)	-101.57



4. Phải trả người lao động	-	167,884,054	(167,884,054)	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	73,126,562	43,485,213	29,641,349	40.53
6. Phải trả ngắn hạn khác	164,073,723	150,619,544	13,454,179	8.20
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16,106,275,176	12,393,497,168	3,712,778,008	23.05
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	446,367,501	446,367,501	-	0.00
<b>II. Nợ dài hạn</b>	-	-	-	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>66,108,006,781</b>	<b>65,501,731,205</b>	606,275,576	0.92
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>66,108,006,781</b>	<b>65,501,731,205</b>	606,275,576	0.92
1. Vốn góp của chủ sở hữu	60,500,000,000	60,500,000,000	-	0.00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	60,500,000,000	60,500,000,000	-	0.00
2. Quỹ đầu tư phát triển	446,367,502	446,367,502	-	0.00
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5,161,639,279	4,555,363,703	606,275,576	11.75
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	4,555,363,703	6,081,157,189	(1,525,793,486)	-33.49
- LNST chưa phân phối kỳ này	606,275,576	(1,525,793,486)	2,132,069,062	351.67
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>84,938,816,016</b>	<b>86,888,720,494</b>	(1,949,904,478)	-2.29566

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

– Theo quá trình phát triển và gia tăng cán bộ nhân viên của các phòng ban theo lượng công việc, Công ty tiến hành phân tách phòng ban theo chức năng, thực hiện phối hợp thực hiện công việc nhóm có sự phối hợp linh hoạt để đạt được mục tiêu công việc.

– Chế độ họp giao ban tuần và đánh giá định kỳ tháng/quý được duy trì thực hiện.

### 4. Phương hướng phát triển

– Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty chủ trương đầu tư phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm, đẩy mạnh công tác marketing bán hàng tại thị trường mục tiêu.

– Tiếp tục cải tiến và không ngừng đổi mới sáng tạo trong sản xuất, cải tiến dây chuyền sản xuất nâng cao năng suất.

## D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

#### ❖ *Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước tính tăng 2,91% so với năm trước, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-202 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU (EVFTA) được thực thi nên sản xuất công nghiệp trong quý IV/2020 có sự khởi sắc với tốc độ tăng giá trị tăng thêm đạt 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế.

Năm 2020 ghi nhận nỗ lực mạnh mẽ của hoạt động xuất, nhập khẩu trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và sự đứt gãy thương mại toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay.



❖ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh (đơn vị: triệu đồng)**

Chỉ tiêu	Thực hiện		Tăng trưởng %
	2020	2019	So với 2019
Tổng doanh thu	26,655	54,197	-27,542
Lợi nhuận sau thuế	606	- 1,130	1,736
Tỷ lệ trả cổ tức	Không chi trả	Không chi trả	-

Có thể nhận thấy tổng doanh thu và lợi nhuận năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019. Nguyên nhân chủ đạo là do giá bán sản phẩm giảm và ảnh hưởng của dịch Covid19.

❖ **Đánh giá các mặt hoạt động khác của công ty**

Để thu hút nhân lực có trình độ và năng lực, Công ty tăng cường triển khai các khóa đào tạo nội bộ, cử đi học đào tạo các khóa đào tạo ngắn hạn đối với các cấp quản lý cấp trung nhằm gia tăng kỹ năng quản lý, giao việc và kiểm soát kết quả thực hiện công việc.

**2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD**

- Đảm bảo điều hành công ty theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông
- Tuân thủ điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Linh hoạt trong điều chỉnh chiến lược, phương hướng hành động để đạt mục tiêu kế hoạch.

**3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT**

❖ **Định hướng**

- Nâng cao thị phần đối với các sản phẩm chất thơm thể mạnh có nguồn gốc thiên nhiên và khai thác thị trường các sản phẩm mới tiềm năng.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sáng tạo đối với hoạt động sản xuất, nghiên cứu thị trường.
- Chuyên nghiệp trong việc tổ chức và tham gia các hội chợ, hội nghị, hội thảo chuyên ngành, phát triển thương hiệu của Công ty trở thành thương hiệu mạnh nhất trong ngành sản xuất tinh dầu, chất thơm có nguồn gốc thiên nhiên.



❖ *Chỉ tiêu kế hoạch năm sau (đơn vị: triệu đồng)*

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	26,655	50,000	87,58%
Lợi nhuận sau thuế	606	1,500	147,52%
Cổ tức	Không chi trả cổ tức	Không chi trả cổ tức	-

❖ *Phương hướng thực hiện*

– Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng chi tiết phương án và các giải pháp duy trì và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bao gồm:

+ Phương án sản xuất kinh doanh cần đề ra mục tiêu rõ ràng theo thời gian, có phương thức theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện theo từng giai đoạn.

+ Tăng cường hoạt động kết nối, duy trì mối quan hệ với các thành viên thuộc hiệp hội tinh dầu và chất thơm quốc tế IFEAT và các tổ chức chuyên ngành khác.

+ Tăng cường công tác điều tra thị trường, phân tích dữ liệu lịch sử hoạt động để có phương án kinh doanh phù hợp.

+ Làm mạnh thương hiệu Công ty và các sản phẩm của Công ty.

## E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### ❖ Thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thanh Lan	CT HĐQT	0	0%
2	Ông Trương Phi Cường	TV HĐQT	865.800	14,31%
3	Ông Nguyễn Đức Thuận	TV HĐQT	0	0%

#### ❖ Đánh giá hoạt động của HĐQT

– Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành 03 buổi họp chung nhằm chỉ đạo, định hướng hoạt động của Công ty, nhận xét và đánh giá tình hình sản xuất của Công ty trong năm 2020.

– Hội đồng quản trị thường xuyên nhắc nhở và đôn đốc Ban Giám đốc cũng như người phụ trách công bố thông tin thực hiện báo cáo và công bố thông tin đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

### 2. Ban Kiểm soát

#### ❖ Thành viên BKS

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu
1.	Ông Lê Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	0%
2.	Ông Đỗ Thành Nhân	TV BKS	0	0%
3.	Ông Nguyễn Việt Tuấn	TV BKS	0	0%

#### ❖ Đánh giá hoạt động của BKS

– Thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện công tác giám sát, tăng cường và đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty.

- Nghiêm túc kiểm tra giám sát công tác quản lý điều hành Công ty thông qua giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty.
- Thẩm định các báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính phối hợp đơn vị kiểm toán thẩm định kết quả báo cáo đảm bảo tính chính xác của báo cáo công bố.

### 3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BGD

#### ❖ Thù lao của HĐQT, BKS và BGD

	Họ tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)
<b>Hội đồng quản trị</b>	Bà Nguyễn Thanh Lan	CT HĐQT	7,000,000
	Ông Trương Phi Cường	TV HĐQT	3,000,000
	Ông Nguyễn Đức Thuận	TV HĐQT	3,000,000
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Lê Hoàng Việt	Trưởng BKS	3,000,000
	Ông Đỗ Thành Nhân	TV BKS	1,000,000
	Ông Nguyễn Việt Tuấn	TV BKS	1,000,000
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc công ty	25,000,000

❖ *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ*: không có

## F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính soát xét năm 2020 được công bố tại link <http://techvina.vn/vi/about/bao-cao-tai-chinh-nam-2020/> và gửi đính kèm văn bản này.

174  
TY  
N  
ING  
AO S



CÔNG TY CỔ PHẦN TECH – VINA

GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN HẢI

